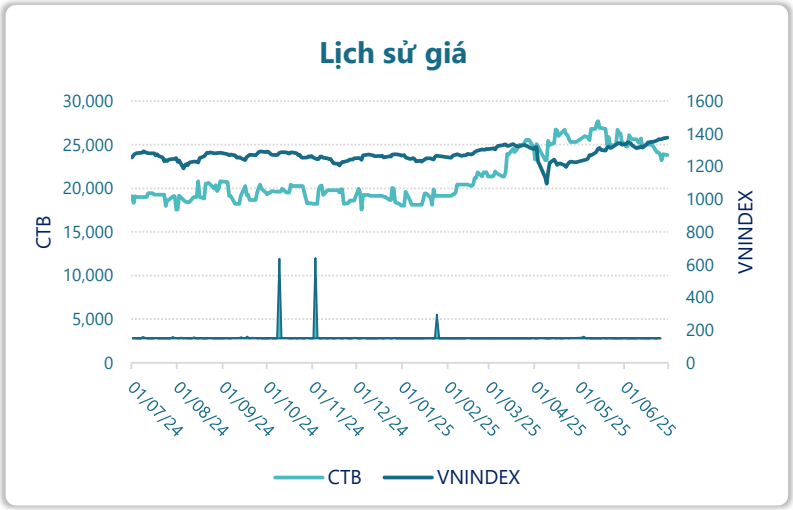
FireAnt

CTCP Chế tạo Bơm Hải Dương (HNX: CTB)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**23,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	27,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	17,550
SL cổ phiếu LH	13,680,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,178
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	326
P/E	5.0
EPS	4,728

DT thuần

Q2/25

145

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 61.7| 74.6%

YoY: ▲ 81.2| 128%

LN sau thuế

Q2/25

12.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.90| 8.1%

YoY: ▲ 9.32| 348%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

10.9%

+/- YoY: ▲ 4.7%

DT thuần

6T 2025

229

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 97.0| 73.2%

LN sau thuế

6T 2025

23.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 17.4| 302%

ROE

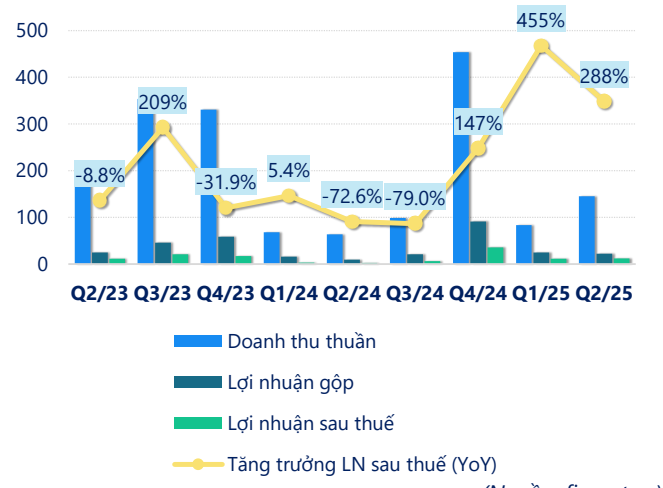
Q2/25

22.0%

+/- YoY: ▲ 6.4%

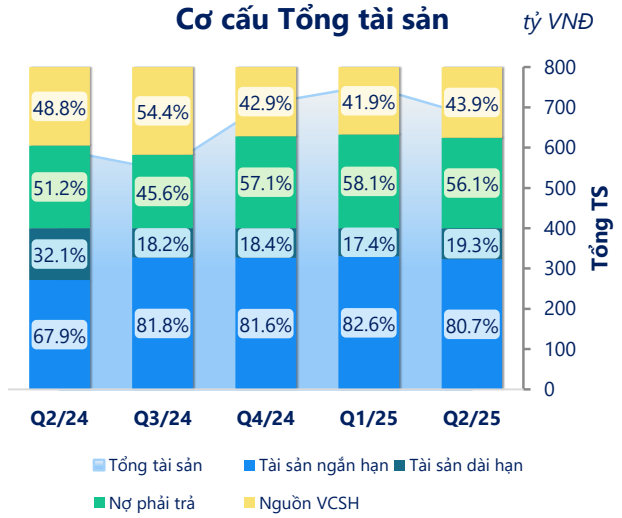
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



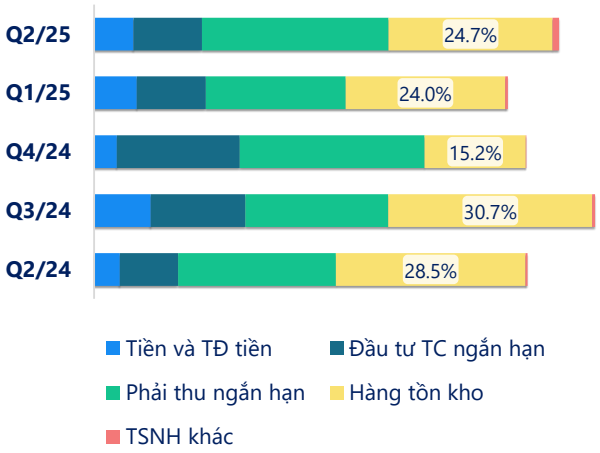
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



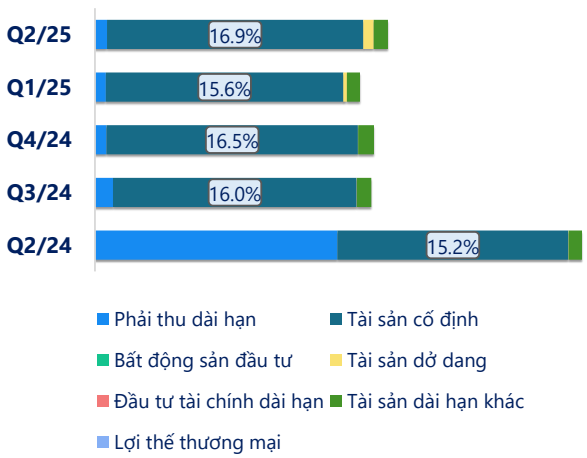
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



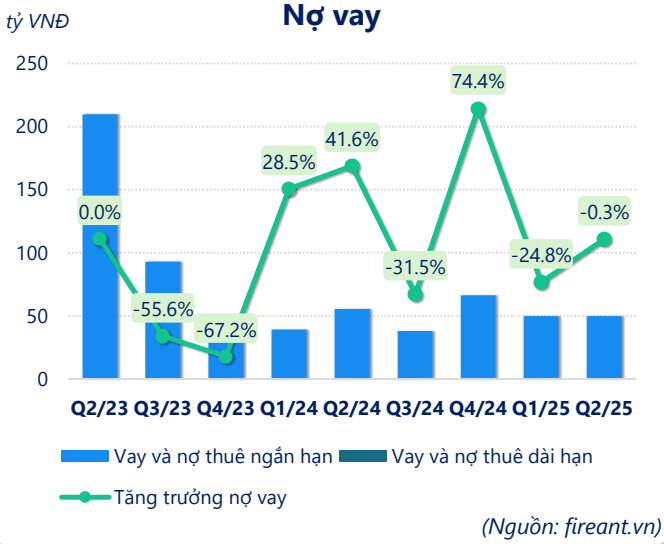
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



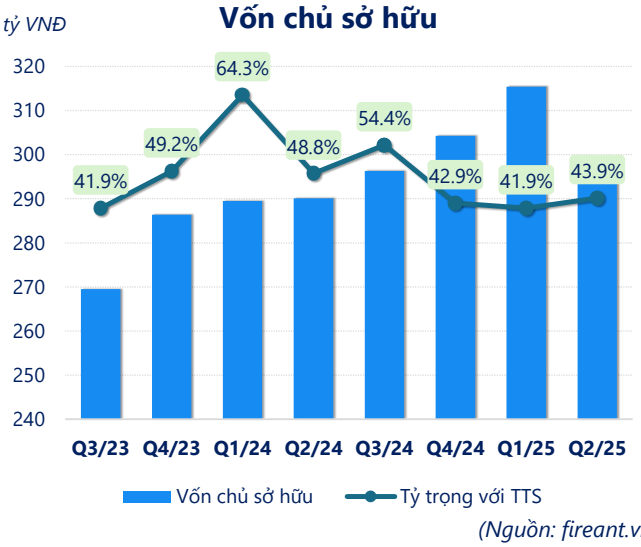
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



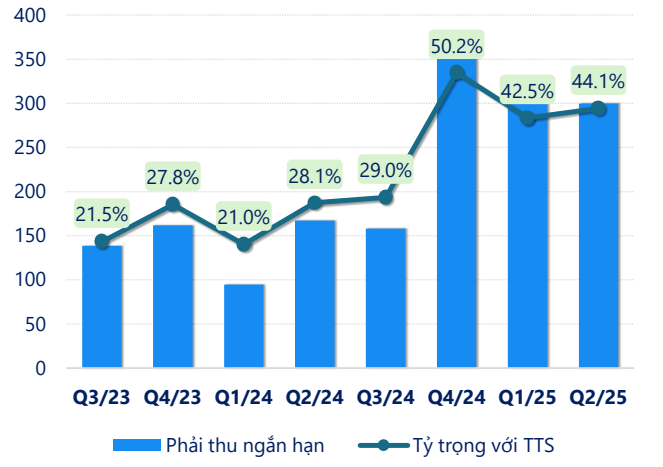
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



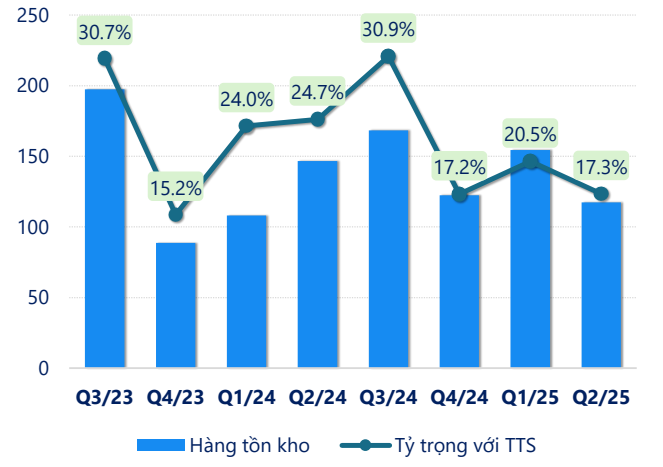
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



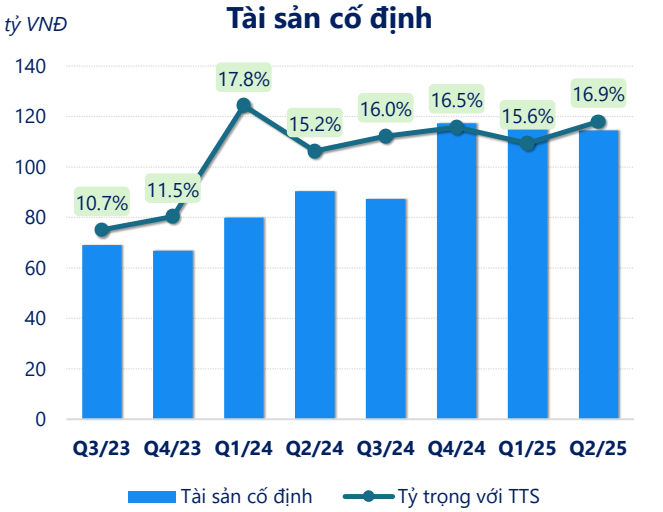
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



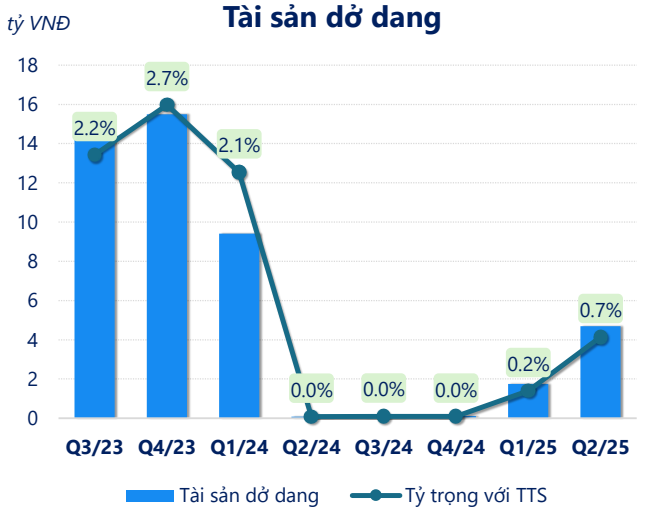
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



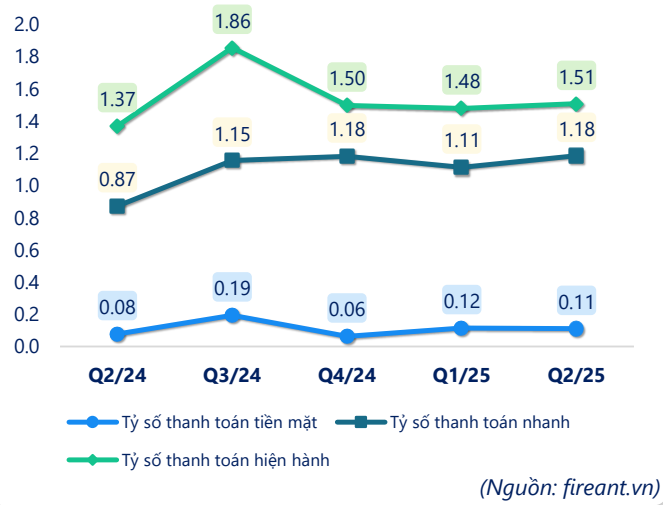
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



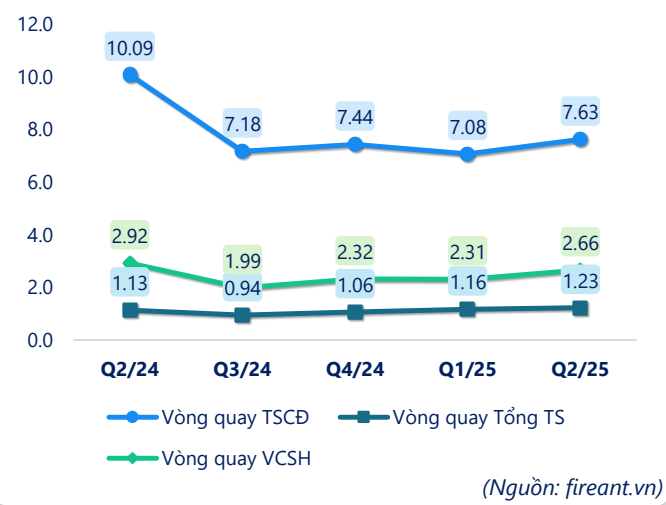
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**595**	**545**	**709**	**753**	**679**
Tài sản ngắn hạn	**404**	**446**	**579**	**622**	**548**
Tiền và tương đương tiền	23.0	46.5	24.4	48.4	40.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	61.3	64.9	74.9	95.0	90.0
Phải thu ngắn hạn	167	158	356	320	300
Hàng tồn kho	147	168	122	154	117
Tài sản ngắn hạn khác	5.98	7.88	1.29	3.74	1.02
Tài sản dài hạn	**191**	**99.1**	**130**	**131**	**131**
Phải thu dài hạn	94.9	6.52	5.39	5.39	5.38
Tài sản cố định	90.4	87.4	117	118	115
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.08	0.08	0.10	1.75	4.69
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	5.29	5.08	7.39	6.41	6.31
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**305**	**248**	**405**	**438**	**381**
Nợ ngắn hạn	**295**	**240**	**387**	**420**	**363**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	55.5	38.0	66.3	49.8	49.7
Phải trả người bán ngắn hạn	68.3	56.0	208	206	194
Nợ dài hạn	9.67	8.31	18.2	17.5	17.3
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**290**	**296**	**304**	**315**	**298**
Vốn chủ sở hữu	**290**	**296**	**304**	**315**	**298**
Vốn điều lệ	137	137	137	137	137
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)